

Số 1271/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực Việc làm của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội
áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019);

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ); Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ); Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 77/2017/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định về thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Việc làm của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang (có danh mục và nội dung thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, PVHCC.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH
VỰC VIỆC LÀM ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG
(Kèm theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

STT	Mã TTHC gốc	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			
I. Lĩnh vực: Việc làm			
1	1.009811	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 77/2017/NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định về thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Hà Giang

Phần II
NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Đã được tái cấu trúc quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Mã thủ tục: 1.009811				
Tên thủ tục: Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam				
1. Cấp thực hiện: Cấp tỉnh.				
2. Lĩnh vực: Việc làm.				
3. Trình tự thực hiện:				
3.1	Gửi (nộp) hồ sơ TTHC			
Trước ít nhất 5 ngày nhưng không quá 45 ngày trước ngày giấy phép lao động hết hạn, người nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép lao động nộp hồ sơ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã cấp giấy phép lao động đó.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI hoặc qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.				
<i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i> - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang). - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ (https://dichvucong.hagiang.gov.vn), Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).				
<i>Thành phần hồ sơ:</i>				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DV BCCI	Gửi trực tuyến	
1	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép lao động theo mẫu số 11/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP	Bản chính văn bản giấy	Bản điện tử được ký số	01
2	Ảnh màu (kích thước 4cm x 6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu), ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.	Bìa ảnh màu	File ảnh màu	02
3	Giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản giấy	Bản sao chứng thực điện tử	01

4	Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản giấy	Bản sao chứng thực điện tử	01
5	Hộ chiếu còn giá trị theo quy định của pháp luật	Bản sao chứng thực văn bản giấy	Bản sao chứng thực điện tử	01
6	Giấy chứng nhận sức khoẻ hoặc giấy khám sức khoẻ do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền cấp của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ký kết luận sức khoẻ đến ngày nộp hồ sơ hoặc giấy chứng nhận có đủ sức khoẻ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản giấy	Bản sao chứng thực điện tử	01
7	Một trong các giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động theo nội dung giấy phép lao động đã được cấp như sau: - Đối với người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp phải có văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử sang làm việc tại hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài đó trên lãnh thổ Việt Nam và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã được doanh nghiệp nước ngoài đó tuyển dụng trước khi làm việc tại Việt Nam ít nhất 12 tháng liên tục. - Đối với người lao động nước ngoài thực hiện các loại hợp đồng hoặc thoả thuận về kinh tế, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học kỹ thuật, văn hoá, thể thao, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và y tế phải có hợp đồng hoặc thoả thuận ký kết giữa đối tác phía Việt Nam và phía nước ngoài, trong đó phải có thoả thuận về việc người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. - Đối với người lao động nước ngoài	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản giấy	Bản sao chứng thực điện tử	01

	là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng phải có hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác phía Việt Nam và phía nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 02 năm. - Đối với người lao động nước ngoài chào bán dịch vụ phải có văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ. - Đối với người lao động nước ngoài làm việc cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam được phép hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam phải có văn bản của cơ quan, tổ chức cử người lao động nước ngoài đến làm việc cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam trừ trường hợp làm việc theo hợp đồng lao động và giấy phép hoạt động của tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam theo quy định của pháp luật. - Đối với người lao động nước ngoài là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật thì phải có văn bản của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc.			
8	Giấy tờ quy định tại các điểm 3, 4, 6 và 7 nêu trên là 01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực, nêu của nước ngoài thì phải hợp pháp hóa lãnh sự và phải dịch ra tiếng Việt trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại hoặc theo quy định của pháp luật.²	Bản chính văn bản giấy	Bản điện tử được ký số	01

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.2

Giải quyết hồ sơ TTHC

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép lao động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội gia hạn giấy phép lao động. Trường hợp không gia hạn giấy phép lao động thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Đối với người lao động nước ngoài làm việc theo hình thức hợp đồng lao động, sau khi người lao động nước ngoài được gia hạn giấy phép lao động thì người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam trước ngày dự kiến tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động.

Người sử dụng lao động phải gửi hợp đồng lao động đã ký kết theo yêu cầu tới Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Hợp đồng lao động là bản gốc hoặc bản sao có chứng thực.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI hoặc Dịch vụ công trực tuyến.

Địa điểm trả kết quả:

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Kết quả giải quyết TTHC bằng bản giấy tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).
- Dịch vụ công trực tuyến: Kết quả giải quyết điện tử được trả cho cá nhân, tổ chức trong mục dịch vụ công trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn), Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)

Kết quả giải quyết:

STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả		Số lượng
		Trả trực tiếp hoặc qua DV BCCI	Trả qua DVC trực tuyến	
1	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Bản chính văn bản giấy	Bản điện tử được ký số	01
4	Thời hạn giải quyết: - Theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Theo thực tế tại địa phương: Không cắt giảm.			
2	Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: - Doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư hoặc theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. - Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có trụ sở chính tại một tỉnh, thành phố nhưng có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại tỉnh, thành phố khác; - Nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng. - Văn phòng đại diện, chi nhánh của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức được cơ quan			

	có thẩm quyền cấp phép thành lập.
	có thẩm quyền điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh và có thẩm quyền điều hành của nhà thầu nước ngoài được đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật; hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; - Tổ chức hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật hợp tác xã; - Hợp tác xã liên hiệp hợp tác xã được phép hoạt động kinh doanh theo Luật hợp tác xã của pháp luật doanh nghiệp, cá nhân được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội quan hệ công dân, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy chứng nhận phù hợp với pháp luật Việt Nam về thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy đăng ký theo quy định của pháp luật Việt Nam cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát của Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập. môn thuế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Việt Nam hoặc tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam không phải nộp thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa nhập khẩu từ các quốc gia khác để sản xuất hàng hóa tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. định hình ngân hàng, bảo hiểm, khoa học kỹ thuật theo hợp đồng giao dịch, giáo dục, giáo dục nghệ thuật và y tế; nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng. - Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại.
	- Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại.
	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:
6	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
0	= Cơ quan phối hợp: Không.
	= Cơ quan phối hợp: Không.
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
7	Phí, lệ phí (nếu có): 450.000 đồng.
8	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):
8	Nếu người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động đáp ứng một trong các điều kiện sau: - Giấy phép lao động còn thời hạn ít nhất 5 ngày nhưng không quá 45 ngày. Được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài từ chứng minh người lao động nước ngoài tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động theo nội dung giấy phép lao động đã được cấp.
	Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
9	Bộ luật Lao động năm 2010; = Bộ luật Lao động năm 2010/ = Quyết định số 132/2020/QĐ-LĐ-TBXH ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Quyết định số 526/QĐ-LĐTBXH ngày 06/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động

	- Thương binh và Xã hội, về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 77/2017/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định về thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Hà Giang.
10	Mẫu thành phần hồ sơ: Có mẫu kèm theo.

Ghi chú: Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về phí, lệ phí, căn cứ pháp lý. Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

TÊN DOANH NGHIỆP/TỔ
~~CHỨC~~

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép
lao động cho người lao động
nước ngoài

....., ngày tháng năm

Kính gửi:(1).....

1. Tên doanh nghiệp/tổ
chức:

2. Loại hình doanh nghiệp/tổ chức (doanh nghiệp nhà nước/doanh nghiệp có vốn đầu
tư nước ngoài/doanh nghiệp ngoài nhà nước/tổ
chức).....

3. Tổng số người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức:người
Trong đó số người lao động nước ngoài đang làm việc là:người

4. Địa chỉ:

.....
5. Điện thoại: 6. Email (nếu có)

.....
7. Giấy phép kinh doanh (hoạt động) số:

.....
Cơ quan cấp: Có giá trị đến ngày:

.....
Lĩnh vực kinh doanh (hoạt động):

.....
8. Người nộp hồ sơ của doanh nghiệp/tổ chức để liên hệ khi cần thiết (số điện thoại,
email):

.....
Căn cứ văn bản thông báo chấp thuận vị trí công việc sử dụng người lao động nước
ngoài số (ngày ... tháng ... năm...) của, (tên doanh nghiệp/tổ chức) đề
nghị cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài, cụ thể như
sau:

9. Họ và tên (chữ in
hoa):

10. Ngày, tháng, năm sinh: 11. Giới tính (Nam/Nữ)

.....
12. Quốc tịch:

.....
13. Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số:

.....

Cơ quan cấp: Có giá trị đến ngày:

.....

14. Trình độ chuyên môn (tay nghề) (nếu có):

.....

15. Làm việc tại doanh nghiệp/tổ chức:

16. Địa điểm làm việc:

.....

17. Vị trí công việc:

.....

18. Chức danh công việc:

19. Hình thức làm việc:

.....

20. Mức lương: VNĐ.

21. Thời hạn làm việc từ (ngày... tháng ... năm...) đến (ngày ... tháng ... năm...):

.....

.....

22. Nơi đăng ký nhận giấy phép lao động:

23. Lý do đề nghị (chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép lao động):

.....

.....

I. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO (2)

.....

...

.....

...

.....

...

II. QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC (3)

24. Nơi làm việc

- Nơi làm việc lần 1:

+ Địa điểm làm việc:

.....

+ Vị trí công việc:

.....

+ Chức danh công việc:

.....

+ Thời hạn làm việc từ (ngày... tháng... năm...) đến (ngày... tháng... năm...):

- Nơi làm việc lần 2:

.....

+ Địa điểm làm việc:

.....

+ Vị trí công việc:

.....

+ Chức danh công việc:

.....

+ Thời hạn làm việc từ (ngày ... tháng ... năm...) đến (ngày ... tháng ... năm...).....

- Nơi làm việc cuối cùng hoặc hiện tại:

.....

+ Địa điểm làm việc:

.....

+ Vị trí công việc:

.....

+ Chức danh công việc:

.....

+ Thời hạn làm việc từ (ngày ... tháng ... năm...) đến (ngày ... tháng ... năm...).....

(Doanh nghiệp/tổ chức) xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, (Doanh nghiệp/tổ chức) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

Ghi chú:

(1) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm)/Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố

(2), (3) Không áp dụng đối với trường hợp cấp lại/gia hạn giấy phép lao động.